

**SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG HƯNG**



**THỰC TRẠNG THU PHÍ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH
9 THÁNG NĂM 2022 SO VỚI CÙNG KỲ 2019**

Nhóm thực hiện:

CNKT. Vũ Đình Tuấn

CNKT. Nguyễn Thị Hoài

Năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
II. THỰC TRẠNG THỰC TRẠNG THU PHÍ DỊCH VỤ 9 THÁNG NĂM 2022 TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG HƯNG	1
III. CƠ SỞ PHÁP LÝ	2
IV. MỤC TIÊU	2
4.1. <i>Mục tiêu chung.....</i>	2
4.2. <i>Mục tiêu cụ thể.....</i>	2
V. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	2
5.1. <i>Đối tượng nghiên cứu</i>	2
5.2. <i>Thời gian và địa điểm nghiên cứu:</i>	2
5.3. <i>Thiết kế nghiên cứu.....</i>	2
5.4. <i>Phương pháp phân tích số liệu.....</i>	3
5.5. <i>Biểu thị số liệu</i>	3
VI. KẾT QUẢ.....	3
KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	8

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-SYT về việc phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng giai đoạn 2020-2023;

Căn cứ vào dự toán thu, chi viện phí năm 2022, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng;

Năm 2022 Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng có 254 viên chức và người lao động, trong đó có 152 viên chức, Lao động hợp đồng 102 người (Bảo vệ: 07 người; ICT: 15 người). 23 khoa phòng, 300 giường kế hoạch, thực kê 372 giường;

Để bảo đảm nguồn thu phí dịch vụ tạo tiền đề để phát triển theo phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng giai đoạn 2020-2023 đã được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt.

Qua số liệu khám và điều trị tại các khoa, phòng chúng tôi đã tiến hành thống kê thực trạng thu phí dịch vụ 9 tháng năm 2022 để rút ra một số nhận xét từ đó bổ xung, điều chỉnh trong quá trình xây dựng mục tiêu kế hoạch, phương hướng hoạt động trong thời gian tới.

II. THỰC TRẠNG THỰC TRẠNG THU PHÍ DỊCH VỤ 9 THÁNG NĂM 2022 TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐÔNG HƯNG

Nguồn thu tài chính chủ yếu của Bệnh viện là nguồn thu phí dịch vụ từ BHYT và thu phí dịch vụ trực tiếp (viện phí), trong đó thu từ BHYT tế đóng vai trò chủ đạo chiếm 85% trên tổng số thu của bệnh viện. Trong 9 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2019 thì tổng số thu phí dịch vụ BHYT giảm chỉ đạt 87,7% trong khi đó các khoản chi thì ngày một tăng cao.

Trong thời gian chờ các văn bản thay đổi chính sách của Nhà nước về cơ cấu giá để đảm bảo cho Bệnh viện tự chủ chi thường xuyên theo Nghị định 60

thì Bệnh viện vẫn phải đầu tư trang thiết bị, phát triển kỹ thuật mới để đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

III. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-SYT về việc phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính đối với Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng giai đoạn 2020-2023;

- Căn cứ vào dự toán thu, chi viện phí năm 2022, ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng;

IV. MỤC TIÊU

4.1. Mục tiêu chung

Mô tả thực trạng thu viện phí từ hoạt động KCB tại Bệnh viện Đa khoa Đông Hưng 9 tháng đầu năm 2022

4.2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định số thu viện phí của từng loại đối tượng (không BHYT và có bảo hiểm y tế);

- Thống kê tần suất khám và điều trị, so sánh tần suất khám, chữa bệnh giữa bệnh nhân có thẻ BHYT và bệnh nhân không có thẻ BHYT;

- Nhận xét, đánh giá, đưa ra một số giải pháp để các khoa phòng thực hiện công tác thu viện phí theo phương hướng, mục tiêu Bệnh viện xây dựng;

V. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

5.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các báo cáo thống kê hoạt động trong phần mềm OneMes

- Tài liệu, sổ ghi chép tại phòng Kế toán – Tài vụ

5.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:

- Tại phòng Tài chính - Kế toán

- Từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 9 năm 2019 và từ 01 tháng 01 năm 2022 đến 30 tháng 9 năm 2022

5.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng, hồi cứu số liệu thứ cấp

5.4. Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp thống kê, phân tích trên file Excel sử dụng các lệnh: Auto Filter, Sort Descending, Sort Ascending, SUM

5.5. Biểu thị số liệu

Bảng bảng 2x2

VI. KẾT QUẢ

Bảng 6.1. Thống kê người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện các trạm y tế:

Nội dung	2019	2022	Tăng, giảm	Tỷ lệ tăng giảm
Số người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Bệnh viện	108.009	117.702	9.693	
Số người tham gia BHYT đăng ký KCB ban đầu tại Trạm y tế xã	82.918	77.057	-5.861	
Cộng	190.927	194.759	3.832	102%

Nhận xét: Qua số liệu trên ta thấy số người tham gia BHYT đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại Bệnh viện và các trạm y tế xã, thị trấn tăng 2%; Dân số huyện năm 2021 là 246.630 người như vậy Theo số liệu của kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 08/9/2022 của UBND huyện thì đến hết năm 2022, đạt từ 92,25% dân số của huyện tham gia BHYT như vậy còn một số lượng không nhỏ người tham gia BHYT đăng ký KCB tại đơn

Bảng 6.2. Tổng số thu phí dịch vụ 9 tháng

Nội dung	9 tháng 2019 (Đồng)	9 tháng 2022 (Đồng)	Tăng, giảm	Tỷ lệ
Tổng số	64.082.032.600	59.770.212.003	-4.311.820.597	-6,73%
KCB BHYT	57.241.497.929	50.139.249.163	-7.102.248.766	-12,41%
Thu viện phí trực tiếp	6.840.534.671	9.630.962.840	2.790.428.169	40,79%

Nhận xét: Tổng số thu viện phí 9 tháng năm 2022 giảm chung là 6.73% so với cùng kỳ năm 2019. Số thu phí trực tiếp tăng trong khi đó số thu BHYT giảm nhưng thực tế tổng số thu phí trực tiếp chỉ chiếm có 16% trên tổng số thu .

Bảng 6.3. Tăng thu BHYT do thực hiện Thông tư

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Tại Bệnh viện	698.839.782	
2	Tại Trạm y tế xã	36.382.320	
Cộng		735.222.102	

Nhận xét: Thu giá dịch vụ tăng do áp dụng thông tư 13/2019/TT-BYT thay cho thông tư 39/2018/TT-BYT.

Bảng 6.4. Tăng thu BHYT do thực hiện Kỹ thuật mới

Nội dung	Số ca	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	182	2.615.000	475.930.000	Triển khai Tháng 5/2019
Thận nhân tạo thường qui	2.941	556.000	1.635.196.000	
Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	4	65.800	263.200	
Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	12	65.400	784.800	
Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	3	65.400	196.200	
Bóc giả mạc	303	82.100	24.876.300	
Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	13	82.100	1.067.300	
Cắt chỉ khâu giác mạc	26	32.900	855.400	
Cộng			2.139.169.200	

Bảng 6.5. Tăng thu phí trực tiếp do thực hiện Kỹ thuật mới

Nội dung	Số ca	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	7.179	47.538	341.276.700	
Chụp cắt lớp vi tính	6.098	522.000 (907.000; 1.182.000)	3.220.623.000	
Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	50	128.000	6.400.000	
Chlamydia test nhanh	99	71.600	7.088.400	
EV71 IgM/IgG test nhanh	311	114.000	35.454.000	
Cộng			3.610.842.100	

Nhận xét: Qua biểu 6.4 và biểu 6.5 ta thấy để tăng số thu phí dịch vụ và thu hút được người bệnh yếu tố quan trọng là phải đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nâng cao chuyên môn phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu. Cụ thể số thu BHYT đã tăng so với cùng kỳ 2019 là 2.139.169.200 đồng, số thu trực tiếp đã tăng so với cùng kỳ là 3.610.842.100 đồng

Bảng 6.6. Thu khám chữa bệnh BHYT

Nội dung	9 tháng 2019	9 tháng 2022	Tăng, giảm	Tỷ lệ (%)
Số lượt khám và điều trị	174.566	117.713	(56.853)	-32,57%
Số thu KCB BHYT (VNĐ)	57.241.497.929	50.139.249.163	(7.102.248.766)	-12,41%

Trong đó: Thu KCB Ngoại trú	26.987.000.712	23.658.974.431	(3.328.026.281)	-12,33%
Thu điều trị Nội trú	30.254.497.217	26.480.274.732	(3.774.222.485)	-12,47%

Nhận xét: Nguồn thu phí dịch vụ BHYT 9 tháng năm 2022 đã giảm mạnh so với cùng kỳ. Số lượt khám và điều trị giảm 56.853 lượt dẫn đến số thu giảm 7.102.248.766 đồng tương ứng với tỉ lệ giảm là 12,41%. Số lượt giảm 32,57% mà số thu giảm 12,41% là không cân đối.

Bảng 6.7. Thu KCB BHYT ngoại trú

Nội dung	9 tháng 2019	9 tháng 2022	Tăng, giảm	Tỷ lệ (%)
Số lượt KCB	161.553	106.998	(54.555)	66,23
Tổng thu	26.987.000.712	23.658.974.431	(3.328.026.281)	87,67
bình quân/lượt	167.047	221.116	54.069	132,37
Khám bệnh (đồng)	4.946.765.470	3.499.597.450	(1.447.168.020)	70,75
Thuốc	8.932.517.858	6.676.646.784	(2.255.871.074)	74,75
Xét nghiệm	5.687.866.500	5.108.117.900	(579.748.600)	89,81
CDHA	2.103.892.800	2.056.389.800	(47.503.000)	97,74
Thủ thuật, kỹ thuật	5.272.230.970	6.254.327.850	982.096.880	118,63
vật tư, khác	43.727.114	63.894.647	20.167.533	146,12

Nhận xét: Qua biểu 6.7 ta thấy số bình quân khám ngoại trú tăng 54.069 đồng/ lượt khám , trong khi đó số lượt khám giảm dẫn đến thu khám chữa bệnh BHYT ngoại trú giảm.

Bảng 6.8. Thu KCB BHYT Nội trú

Nội dung	9 tháng 2019	9 tháng 2022	Tăng, giảm	Tỷ lệ
Số lượt Điều trị	13.013	10.715	(2.298)	82,34
Tổng số ngày điều trị	87.122	67.617	(19.505)	77,61
Tổng thu (đồng)	30.254.497.217	26.480.274.732	(3.774.222.485)	87,53
<i>Chi phí bình quân/lượt điều trị</i>	<i>2.324.944</i>	<i>2.471.328</i>	<i>146.383</i>	<i>106,30</i>
Ngày giường bệnh	15.388.208.000	12.016.370.350	(3.371.837.650)	78,09
Thuốc	3.557.932.600	3.894.896.187	336.963.587	109,47
Xét nghiệm	2.460.598.800	1.964.733.500	(495.865.300)	79,85
CDHA	559.999.500	563.879.600	3.880.100	100,69
PTTT	7.619.594.580	6.670.520.327	(949.074.253)	87,54
Vật tư, Khác	668.163.737	1.369.874.768	701.711.031	205,02

Nhận xét: Qua biểu 6.8 ta thấy số lượt điều trị giảm 2.298 lượt so với cùng kỳ kèm theo số ngày điều trị bình quân giảm 19.505 ngày chính vì vậy nên tổng số thu ngày giường bệnh giảm 3.371.837.650 đồng và kéo theo các dịch vụ khác cũng giảm như xét nghiệm, thủ thuật. Thuốc và vật tư tăng là do năm 2022 bệnh viện thực hiện dịch vụ chạy thận nhân tạo thường quy.

Bảng 6.9. Thu ngoại trú nhân dân

Nội dung	9 tháng 2019	9 tháng 2022	Tăng, giảm	Tỷ lệ
Tổng thu (đồng)	4.991.150.135	7.329.031.938	2.337.881.803	147

Khám bệnh	413.169.000	92.446.650	(320.722.350)	22
Khám sức khỏe	437.839.600	582.050.200	144.210.600	133
Tiền thuốc	117.093.981	57.421.424	(59.672.557)	49
Xét nghiệm	1.381.185.250	1.914.050.150	532.864.900	139
CĐHA	1.725.612.600	4.057.190.800	2.331.578.200	235
Thủ thuật	589.629.160	504.146.854	(85.482.306)	86
Vật tư	319.960.544	116.650.860	(203.309.684)	36
Vận chuyển ô tô	6.660.000	5.075.000	(1.585.000)	76

Nhận xét: Số thu ngoại trú nhân dân tăng là do Bệnh viện phát triển mới dịch vụ chụp CT Scanner và một số dịch vụ xét nghiệm cụ thể tại biểu 6.5

Bảng 6.10. Thu nội trú nhân dân

Nội dung	9 tháng 2019	9 tháng 2022	Tăng, giảm	Tỷ lệ
Số lượt	528	397	(131)	75
Số ngày điều trị	1.733	1.477	(256)	85
Số thu viện phí	610.406.446	630.928.796	20.522.350	103
Chi phí bình quân/lượt điều trị	1.156.073	1.589.241	433.168	137

Nhận xét: Biểu 6.10 cho thấy số điều trị nội trú nhân dân giảm một phần là do để đảm bảo an sinh xã hội Đảng và Nhà nước hết sức coi trọng để chăm lo, nâng cao sức khỏe cho chính người dân Vì vậy, những năm qua, Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh luôn quan tâm thực hiện các biện pháp để phủ rộng BHYT toàn dân nên số người không tham gia BHYT giảm.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về nhân lực: Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực và cử cán bộ đi đào tạo liên tục ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là tập huấn cho toàn thể CBCNV về kỹ năng giao tiếp.

2. Về cơ sở vật chất: Hiện tại vẫn phải khắc phục cơ sở vật chất do chật hẹp trong thời gian dự án Nhà khám bệnh và điều trị chưa hoàn thành; Đầu tư

mua sắm, thuê trang thiết bị, bổ sung công cụ dụng cụ phục vụ chuyên môn và hành chính.

3. Phát triển các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu để đáp ứng nhu cầu người bệnh và thu hút được người bệnh từ địa phương khác đến.


4. Tăng cường công tác truyền thông qua hệ thống truyền thanh của huyện và của xã, thị trấn. Tổ chức các đoàn khám thiện nguyện tới các xã xa trung tâm huyện để sàng lọc các bệnh mãn tính.

5. Áp dụng khoa học công nghệ để giảm thời gian chờ đợi và đáp ứng sự hài lòng của người bệnh.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. NHÓM BÁO CÁO

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Vu Anh Tuấn